

Bản án số: 07/2024/DS - ST
Ngày: 29-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Nguyễn Trường Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh K; *có mặt*

Bị đơn: Bà Đặng Thị Bé N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp R, xã V, huyện V, tỉnh K; *có đơn xin vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Bà Bé N làm chủ hui, bà tham gia nhiều dây hui. Cụ thể: Dây hui ngày 10/9/2020 (âm lịch), có 30 hui viên, bà tham gia 02 chân. Dây hui này bà yêu cầu bà N trả 54.000.000 đồng. Dây hui ngày 10/9/2020 (âm lịch), hui 1.000.000 đồng, có 30 hui viên, bà tham gia 03 chân. Dây hui này bà N còn nợ bà 81.000.000 đồng. Dây hui ngày 05/9/2020 (âm lịch), hui 500.000 đồng, có 30 hui viên, bà tham gia 3 chân. Dây hui này bà N còn thiếu bà 40.500.000 đồng. Tổng 3 dây hui bà đã đóng là 175.500.000 đồng. Số hui chết mà bà phải đóng lại cho bà N là 40.250.000 đồng. Vậy bà N còn nợ lại bà 132.250.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà N trả số tiền trên.

Bị đơn bà Đặng Thị Bé N trình bày: Bà thống nhất như lời trình bày của bà Diễm M, nhưng trừ tiền cò hoa hồng thì bà hiện tại chỉ còn nợ bà M 129.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn bà My khởi kiện yêu cầu bà Bé N trả số tiền nợ hui. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng góp hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn bà Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé N.

Tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà Bé N trả số tiền nợ hui là 132.250.000 đồng. Tại phiên toà bà M xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền 3.250.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 129.000.000 đồng. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà M.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Bà M yêu cầu bà Bé N trả tiền nợ hui là 129.000.000 đồng. Căn cứ vào quá trình chơi hui thì bà M đã đóng đầy đủ các chân hui nhưng bà Bé N chưa giao hui. Bà Bé N thống nhất còn nợ số tiền hui là 129.000.000 đồng.

Xét về quyền và nghĩa vụ của các bên thấy rằng do bà Bé N vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường nên bà M yêu cầu trả số tiền hui là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Bé N do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, phía bà Diễm M không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bà Bé N có nghĩa vụ trả một lần cho toàn bộ số tiền hui còn nợ là 129.000.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị, Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Bé N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền là 129.000.000 đồng $\times 5\% = 6.450.000$ đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm M số tiền tạm ứng án phí là 3.306.250 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003048 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm M về việc tranh chấp hợp đồng góp hội với bà Đặng Thị Bé N.

Buộc bà Đặng Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Diễm M số tiền là 129.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Diễm M số tiền là 3.250.000 đồng.

3- Về án phí DSST: Bà Bé N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền là 129.000.000 đồng x 5% = 6.450.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm M số tiền tạm ứng án phí là 3.306.250 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003048 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm